

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

☎ Điện thoại: [84-08] 3 8650 258

☎ Fax : [84-08] 3 8650 394

🌐 www.mekophar.com.vn

✉ info@mekophar.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2009

Đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán & Dịch vụ tin học (AISC)

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	NỘI DUNG	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	327,849,661,804	297,211,599,725
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	65,784,691,775	13,608,768,057
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	9,155,601,100	9,155,750,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	96,304,091,051	80,329,891,257
4	Hàng tồn kho	152,856,545,218	182,543,948,439
5	Tài sản ngắn hạn khác	3,748,732,660	11,573,241,972
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	119,532,843,220	104,264,572,693
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	102,842,843,220	89,174,572,693
	- Tài sản cố định hữu hình	71,187,088,111	70,385,426,274
	- Tài sản cố định vô hình	31,655,755,109	18,789,146,419
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16,690,000,000	15,090,000,000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	447,382,505,024	401,476,172,418
III	NỢ PHẢI TRẢ	77,939,059,070	66,329,505,705
1	Nợ ngắn hạn	66,429,629,147	52,834,560,546
2	Nợ dài hạn	11,509,429,923	13,494,945,159
IV	VỐN CHỦ SỞ HỮU	369,443,445,954	335,146,666,713
1	Vốn chủ sở hữu	342,897,282,971	307,597,372,634
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	92,100,000,000	92,100,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	108,706,704,458	107,702,218,400
	- Cổ phiếu quỹ	-8,160,533,158	-18,556,047,100
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	171,071,590	
	- Quỹ đầu tư phát triển	140,030,623,548	116,301,784,801
	- Quỹ dự phòng tài chính	10,049,416,533	10,049,416,533
	- Lợi nhuận chưa phân phối	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	26,546,162,983	27,549,294,079
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26,546,162,983	27,549,294,079
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	447,382,505,024	401,476,172,418

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	647,710,858,095	597,855,203,245
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	865,938,235	1,827,028,610
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	646,844,919,860	596,028,174,635
4	Giá vốn hàng bán	485,032,284,534	437,185,493,212
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	161,812,635,326	158,842,681,423
6	Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	4,966,296,833	3,278,941,776
7	Chi phí tài chính	10,592,636,848	3,758,372,184
8	Chi phí bán hàng	36,070,839,854	38,710,780,335
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	40,173,147,021	41,424,769,215
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	79,942,308,436	78,227,701,465
11	Thu nhập khác	1,093,281,458	2,111,155,543
12	Chi phí khác	117,446,510	155,437,702
13	Lợi nhuận khác	975,834,948	1,955,717,841
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80,918,143,384	80,183,419,306
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	19,727,456,654	18,520,201,240
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61,190,686,730	61,663,218,066
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	6,753	7,267

C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
	Cơ cấu tài sản		
1	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	26.72%	25.97%
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	73.28%	74.03%
	Cơ cấu nguồn vốn		
2	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	17.42%	16.52%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	82.58%	83.48%
	Khả năng thanh toán		
3	- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.84	0.21
	- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	4.21	4.48
	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
4	- TS lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	13.68%	15.36%
	- TS lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	9.46%	10.35%
	- TS lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (%)	16.56%	18.40%